

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2022

1. Đối tượng tuyển sinh

- Tất cả các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông;
- Các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông, tham gia kỳ thi Đánh giá năng lực đợt 1 năm 2022 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông, tham gia thi các môn trong tổ hợp xét tuyển của Trường trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh năm 2022

Trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy năm 2022, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng nhiều phương thức xét tuyển như sau:

3.1. Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 1% chỉ tiêu ngành.

3.2. Phương thức 2 - Xét tuyển đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên): 9% chỉ tiêu ngành.

3.3. Phương thức 3 - Xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông tại các trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trong cả nước (Xem danh sách các Trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu tại Phụ lục 1): 15% chỉ tiêu ngành.

3.4. Phương thức 4 - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2022 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: 25% chỉ tiêu ngành.

3.5. Phương thức 5 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022: 50% chỉ tiêu ngành.

Lưu ý:

- Điều kiện cần của Phương thức 2 - Xét tuyển đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên) và Phương thức 3 - Xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông tại các trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trong cả nước là thí sinh phải tốt nghiệp Trung học phổ thông theo hình thức chính quy. Các phương thức xét tuyển còn lại, điều kiện cần là thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Chỉ tiêu của từng phương thức xét tuyển có thể được điều chỉnh theo tình hình tuyển sinh thực tế.

- Ngoại trừ các ngành khối A (3 ngành Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng), các ngành còn lại xét tuyển theo các phương thức xét tuyển nêu trên kết hợp với kết quả thi bổ sung các môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022.

- Riêng ngành Thiết kế đô thị (Chương trình Tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh, học phí tương ứng) sẽ xét tuyển theo 2 phương thức tuyển sinh chung và tuyển sinh riêng, có yêu cầu kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Ngành	Mã ngành đăng ký xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển vào các ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu năm 2022
I	Tại Thành phố Hồ Chí Minh				1335
1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán – Vật lý – Hóa học Toán – Vật lý – Tiếng Anh Kết quả ĐGNL	A00 A01	360
2	Kỹ thuật xây dựng (Chất lượng cao)	7580201CLC	Toán – Vật lý – Hóa học Toán – Vật lý – Tiếng Anh Kết quả ĐGNL	A00 A01	35
3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành: Cấp thoát nước – Năng lượng thông tin – Giao thông san nền)	7580210	Toán – Vật lý – Hóa học Toán – Vật lý – Tiếng Anh Kết quả ĐGNL	A00 A01	100
4	Quản lý xây dựng	7580302	Toán – Vật lý – Hóa học Toán – Vật lý – Tiếng Anh Kết quả ĐGNL	A00 A01	75
5	Kiến trúc	7580101	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật	V00 V01 V02	210
6	Kiến trúc (Chất lượng cao)	7580101CLC	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật	V00 V01 V02	40
7	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật	V00 V01 V02	70

TT	Ngành	Mã ngành đăng ký xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển vào các ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu năm 2022
8	Quy hoạch vùng và đô thị (Chất lượng cao)	7580105CLC	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	30
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
9	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	75
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
10	Thiết kế nội thất	7580108	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	75
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
11	Mỹ thuật đô thị	7210110	Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	50
			Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
12	Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán – Văn – Vẽ TT Màu	H01	50
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ TT Màu	H02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ TT Màu		
13	Thiết kế đồ họa	7210403	Toán – Văn – Vẽ TT Màu	H01	100
			Văn – Tiếng Anh – Vẽ TT Màu	H06	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ TT Màu		
14	Thiết kế thời trang	7210404	Toán – Văn – Vẽ TT Màu	H01	40
			Văn – Tiếng Anh – Vẽ TT Màu	H06	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ TT Màu		
15	Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến)	7580199	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	25
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
			Theo 02 phương thức tuyển sinh chung và tuyển sinh riêng (xem thông báo)		
II	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ (Thí sinh phải có hộ khẩu tại 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long)				140
16	Kỹ thuật xây dựng	7580201CT	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	50
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
			Kết quả ĐGNL		
17	Kiến trúc	7580101CT	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	50

TT	Ngành	Mã ngành đăng ký xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển vào các ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu năm 2022
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
18	Thiết kế nội thất	7580108CT	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	40
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
II	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt (Thí sinh phải có hộ khẩu tại 5 tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh, thành Nam Trung bộ)				80
19	Kỹ thuật xây dựng	7580201DL	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	30
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
			Kết quả ĐGNL		
20	Kiến trúc	7580101DL	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	50
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
	Tổng cộng				1555

Lưu ý: Chỉ tiêu của từng phương thức xét tuyển có thể được điều chỉnh theo tình hình tuyển sinh thực tế.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

5.1. Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và thuộc đối tượng xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Riêng các thí sinh đăng ký xét tuyển ngành năng khiếu, điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022 đạt từ 5,0 trở lên.

5.2. Phương thức 2 - Xét tuyển đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên)

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022 đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp, từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Riêng các thí sinh đăng ký xét tuyển ngành năng khiếu, điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022 đạt từ 5,0 trở lên.

5.3. Phương thức 3 - Xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông tại các trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trong cả nước

Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022 tại các trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trong cả nước (*Danh sách các Trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu tại Phụ lục 1 đính kèm*):

- Xét tuyển vào ngành Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng: Điểm trung bình học bạ của 5 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) theo tổ hợp xét tuyển từ 8,0 trở lên;

- Xét tuyển vào ngành năng khiếu: Điểm trung bình học bạ của 5 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) theo tổ hợp xét tuyển từ 8,0 trở lên và điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022 tổ chức đạt từ 5,0 trở lên.

5.4. Phương thức 4 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2022 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông trong cả nước có điểm thi Đánh giá năng lực đợt 1 năm 2022 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đạt từ 700 điểm trở lên.

- Riêng các thí sinh đăng ký dự thi ngành năng khiếu, điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022 đạt từ 5,0 trở lên.

5.5. Phương thức 5 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh sẽ xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đối với từng ngành xét tuyển sau khi có kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022. Riêng các thí sinh đăng ký dự thi ngành năng khiếu, điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022 đạt từ 5,0 trở lên.

6. Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh đủ tiêu chuẩn đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo từng phương thức xét tuyển, đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với các phương thức xét tuyển riêng của Nhà trường (Phương thức 1, 2, 3, 4), thí sinh được đăng ký tối đa 18 nguyện vọng và tất cả các phương thức xét tuyển nếu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo từng phương thức.

- Nguyên tắc xét tuyển: Theo thứ tự các nguyện vọng; với mỗi nguyện vọng, xét tuyển theo thứ tự các phương thức: Phương thức 1 - Phương thức 2 - Phương thức 3 - Phương thức 4.

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không được xét tuyển nguyện vọng tiếp theo.

- Thí sinh không xác nhận nhập học theo các phương thức tuyển sinh riêng của Nhà trường (Phương thức 1, 2, 3, 4) sẽ được xét tuyển theo Phương thức 5 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022.

- Đối với Phương thức 5, không giới hạn số lượng nguyện vọng đăng ký vào Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điểm các môn thi/điểm trung bình học bạ từng môn đều không nhân hệ số, điểm môn năng khiếu nhân hệ số 1,5.

- Đối với tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ sử dụng kết quả điểm thi trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022 hoặc điểm trung bình học bạ Trung học phổ thông; không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ (Tiếng Anh) theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông.

- Đối với các ngành năng khiếu: Chỉ xét tuyển thí sinh có điểm môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thi năm 2022 đạt từ 5,0 trở lên.

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp. Mỗi nguyện vọng thí sinh chỉ có thể chọn 01 tổ hợp điểm thi xét tuyển.

- Điểm trúng tuyển vào mỗi ngành sẽ được xét theo nguyên tắc lấy từ thí sinh có điểm xét tuyển lớn nhất trở xuống không phân biệt nguyện vọng, tổ hợp xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu của mỗi ngành (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh).

- Điểm của thí sinh có giá trị như nhau khi xét tuyển các nguyện vọng. Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành nào thì sử dụng tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của ngành đó.

- Các ngành tại các cơ sở đào tạo của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh có điểm chuẩn riêng.

- Điều kiện về nguyện vọng xét tuyển tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ và Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt:

- Thí sinh có hộ khẩu tại 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long (*Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang và Cà Mau*) mới có thể đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào các ngành học tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ; nếu trúng tuyển, sẽ học tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ trong suốt khóa học;

- Thí sinh có hộ khẩu tại 5 tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh, thành Nam Trung bộ (*Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông, Lâm Đồng, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận*) mới có thể đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào các ngành học tại Trung tâm đào tạo cơ sở Đà Lạt; nếu trúng tuyển, sẽ học tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt trong suốt khóa học.

- Thí sinh đủ điều kiện về hộ khẩu nhưng **không** đăng ký xét tuyển tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ hoặc Trung tâm đào tạo cơ sở Đà Lạt thì không được xét tuyển tại các Trung tâm đào tạo cơ sở này;

- Riêng ngành Thiết kế đô thị (Chương trình Tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh, học phí tương ứng) sẽ xét tuyển theo 2 phương thức tuyển sinh chung và tuyển sinh riêng, có yêu cầu kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời gian quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Trường được xét tuyển thí sinh khác bổ sung.

6.1. Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Phương thức 2 - Xét tuyển đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên)

- Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành nào thì sử dụng tổ hợp môn xét tuyển ưu tiên tương ứng của ngành đó.

- Đối với thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022, đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp, từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên, bao gồm:

- Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế; thí sinh trong đội tuyển Quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật Quốc tế.

- Thí sinh đạt giải nhất, giải nhì, giải ba, giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia.

- Thí sinh đạt giải nhất, giải nhì, giải ba, giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp Quốc gia.

- Thí sinh đạt giải nhất, giải nhì, giải ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

***Lưu ý:** Các giải học sinh giỏi từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên, không bao gồm giải Học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay và giải Olympic tháng 4. Môn đạt giải phải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển và thí sinh đăng ký ngành năng khiếu phải có điểm thi môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022 đạt từ 5,0 trở lên.*

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển đối với các thí sinh cùng điều kiện xét tuyển ở cuối danh sách:

- (1) Cấp đạt giải học sinh giỏi các cấp;
- (2) Thứ tự đạt giải học sinh giỏi các cấp;
- (3) Điểm thi môn năng khiếu (đối với các ngành năng khiếu);
- (4) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của học kỳ 1 năm lớp 12;
- (5) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 11;
- (6) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10;
- (7) Điểm trung bình học bạ môn Toán trong học kỳ 1 lớp 12.

Nếu sau khi xét các điều kiện phụ đã nêu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

6.3. Phương thức 3 - Xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông tại các trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trong cả nước

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022 tại các trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trong cả nước, điểm xét tuyển được tính như sau:

Các ngành Khối A (Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng):
Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của 5 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) + Điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực Trường THPT (*Theo*

Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo) + 0,5 (nếu có chứng chỉ Quốc tế);

Các ngành Khối V, H: Điểm xét tuyển = (Điểm trung bình học bạ 5 học kỳ môn 1 + Điểm trung bình học bạ 5 học kỳ môn 2 + Điểm môn năng khiếu x 1,5) x 6/7 + Điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực Trường THPT (Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo) + 0,5 (nếu có chứng chỉ Quốc tế).

Lưu ý: Các chứng chỉ Quốc tế bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế (Tiếng Anh) tương đương IELTS từ 6,0 trở lên (Xem Phụ lục 2) hoặc chứng chỉ SAT từ 1000 trở lên và còn hạn đến thời gian xét tuyển.

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển đối với các thí sinh cùng điều kiện xét tuyển ở cuối danh sách:

- (1) Điểm thi môn năng khiếu (đối với các ngành năng khiếu);
- (2) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của học kỳ 1 năm lớp 12;
- (3) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 11;
- (4) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10;
- (5) Điểm trung bình học bạ môn Toán trong học kỳ 1 lớp 12.

Nếu sau khi xét các điều kiện phụ đã nêu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

6.4. Phương thức 4 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2022 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

- Điểm xét tuyển theo kết quả Đánh giá năng lực đợt 1 năm 2022 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là tổng điểm các bài thi/môn thi tính theo thang điểm 30 của từng tổ hợp xét tuyển và được làm tròn đến hai chữ số thập phân, cộng với điểm ưu tiên. Cụ thể:

Các ngành Khối A (Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng): Điểm xét tuyển = Điểm thi đánh giá năng lực x 1/40 + Điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực Trường THPT (Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo) + 0,5 (nếu có chứng chỉ Quốc tế);

Các ngành Khối V, H: Điểm xét tuyển = (Điểm thi đánh giá năng lực x 1/60 + Điểm môn năng khiếu x 1,5) x 6/7 + Điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực Trường THPT (Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo) + 0,5 (nếu có chứng chỉ Quốc tế).

Lưu ý: Các chứng chỉ Quốc tế bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế (Tiếng Anh) tương đương IELTS từ 6,0 trở lên (Xem Phụ lục 2) hoặc chứng chỉ SAT từ 1000 trở lên và còn hạn đến thời gian xét tuyển.

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển đối với các thí sinh cùng điều kiện xét tuyển ở cuối danh sách:

- Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành khối A (Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng) có điểm xét tuyển ngang nhau (đã cộng điểm ưu tiên), bằng điểm chuẩn thì trong trường hợp vượt chỉ tiêu, sẽ xét trúng tuyển người có điểm theo thứ tự ưu tiên điểm trung bình môn Toán cao hơn (lấy điểm trung bình 5 học kỳ, trừ học kỳ 2

lớp 12 đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022; lấy điểm trung bình 6 học kỳ đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020 và 2021);

- Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành năng khiếu có điểm xét tuyển ngang nhau (đã cộng điểm ưu tiên), bằng điểm chuẩn thì trong trường hợp vượt chỉ tiêu, sẽ xét trúng tuyển người có điểm môn năng khiếu cao hơn;

- Nếu sau khi xét các điều kiện phụ đã nêu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

6.5. Phương thức 5 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng đăng ký vào Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điểm xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022: là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và được làm tròn đến hai chữ số thập phân, cộng với điểm ưu tiên. Cụ thể:

- Xét tuyển vào các ngành khối A (Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng): Điểm xét tuyển = Điểm thi THPT môn 1 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm thi THPT môn 3 + Điểm ưu tiên (*Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

- Xét tuyển vào các ngành năng khiếu khối V, H: Điểm xét tuyển = (Điểm thi THPT môn 1 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm môn năng khiếu x 1,5) x 6/7 + Điểm ưu tiên (*Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách:

- Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành khối A (Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng) có tổng điểm 3 môn ngang nhau (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh), bằng điểm chuẩn thì trong trường hợp vượt chỉ tiêu, sẽ xét trúng tuyển người có điểm theo thứ tự ưu tiên môn Toán trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông 2022 cao hơn;

- Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành năng khiếu có tổng điểm 3 môn ngang nhau (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh), bằng điểm chuẩn thì trong trường hợp vượt chỉ tiêu, sẽ xét trúng tuyển người có điểm môn năng khiếu cao hơn;

- Nếu sau khi xét các điều kiện phụ đã nêu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

7. Hướng dẫn đăng ký xét tuyển và đăng ký dự thi các môn năng khiếu

7.1. Đăng ký xét tuyển theo Phương thức 1, 2, 3, 4 và đăng ký dự thi các môn năng khiếu

7.1.1. Quy trình đăng ký xét tuyển và đăng ký dự thi các môn năng khiếu

- **Bước 1:** Đăng ký tài khoản đăng ký xét tuyển theo các Phương thức riêng và đăng ký dự thi các môn năng khiếu.

- **Bước 2:** Khai báo thông tin cá nhân.

- **Bước 3:** Đăng ký thi năng khiếu (đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển các ngành năng khiếu - Khối V, H) và nộp lệ phí thi năng khiếu, đăng lên tài khoản đăng ký dự thi hình chụp **bản chính** các giấy tờ sau:

- + Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.
- + Biên lai thu lệ phí đăng ký dự thi.
- + Hình 4x6 trong vòng 6 tháng, định dạng JPG, JPEG.

- **Bước 4:** Đăng ký xét tuyển theo các Phương thức xét tuyển riêng (Phương thức 1, 2, 3, 4) và nộp lệ phí thi đăng ký xét tuyển, đăng lên tài khoản đăng ký xét tuyển hình chụp **bản chính** các giấy tờ sau:

- + Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.
- + Biên lai thu lệ phí đăng ký xét tuyển.
- + Hình 4x6 trong vòng 6 tháng, định dạng JPG, JPEG.

+ Giấy chứng nhận tham gia kỳ thi chọn đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế; Giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia; Giấy chứng nhận là thành viên trong đội tuyển Quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật Quốc tế; Giấy chứng nhận đạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp Quốc gia; Giấy chứng nhận đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương (nếu đăng ký xét tuyển theo Phương thức 2).

+ Kết quả thi Đánh giá năng lực đợt 1 năm 2022 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cấp (nếu đăng ký xét tuyển theo Phương thức 4).

- + Chứng chỉ Anh văn, Bảng điểm SAT (nếu có).
- + Giấy chứng chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

- **Bước 5:** Nộp hồ sơ giấy trực tiếp hoặc phát chuyển nhanh qua đường bưu điện (ngoài phong bì ghi rõ **Hồ sơ xét tuyển Đại học chính quy năm 2022**), bao gồm

+ 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo **Mẫu** (In Phiếu tại trang www.uah.edu.vn sau khi hoàn thành đăng ký trực tuyến).

- + 01 Bản sao công chứng Học bạ Trung học phổ thông.
- + 01 Bản sao công chứng sổ Hộ khẩu.
- + 01 Bản sao công chứng Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.
- + 01 Bản sao Biên lai thu lệ phí đăng ký xét tuyển.

+ 01 Bản sao công chứng Giấy chứng nhận tham gia kỳ thi chọn đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế; Giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia; Giấy chứng nhận là thành viên trong đội tuyển Quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật Quốc tế; Giấy chứng nhận đạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp Quốc gia; Giấy chứng nhận đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương (nếu đăng ký xét tuyển theo Phương thức 2);

+ 01 Bản sao công chứng Kết quả thi Đánh giá năng lực đợt 1 năm 2022 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cấp (nếu đăng ký xét tuyển theo Phương thức 4);

- + 01 Bản sao công chứng Chứng chỉ Anh văn, Bảng điểm SAT (nếu có);

+ 01 Bản sao công chứng chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

Hồ sơ gửi về:

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 196 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lưu ý: Nhà trường khuyến khích việc nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

7.1.2. Thời gian đăng ký dự thi các môn năng khiếu

Năm 2022, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ tổ chức **duy nhất 01 đợt** thi các môn năng khiếu:

Đăng ký trực tuyến: **Dự kiến từ ngày 14/02/2022 đến hết ngày 31/3/2022.**

Ngày thi: **Dự kiến ngày 23 - 24/4/2022.**

Địa điểm thi: Tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Lưu ý: Thời gian có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế.

7.1.3. Thời gian đăng ký xét tuyển trực tuyến: Dự kiến từ ngày 26/4/2022 đến hết ngày 29/5/2022 (thời gian có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế).

7.1.4. Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển bản giấy: Dự kiến từ ngày 30/5/2022 đến 16h30 ngày 10/6/2022 (thời gian có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế).

7.1.5. Thời gian đăng ký xét tuyển ngành Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến) theo Phương thức tuyển sinh riêng (sẽ có Thông báo tuyển sinh riêng):

- Thời gian nộp Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu): **Từ ngày thông báo đến hết ngày 30/9/2022.**

- Thời gian kiểm tra tiếng Anh đầu vào: **14h00 - 15h30 thứ Sáu hằng tuần từ ngày ra thông báo đến hết ngày 30/9/2022.**

7.2. Phương thức 5 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022

Thí sinh đăng ký xét tuyển và nộp lệ phí xét tuyển đồng thời với đăng ký thi tốt nghiệp Trung học phổ thông tại trường Trung học phổ thông, Sở Giáo dục và Đào tạo và các điểm thu hồ sơ theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

8.1. Lệ phí xét tuyển theo các Phương thức 1, 2, 3, 4: 25.000 đồng/nguyên vọng/phương thức. Lệ phí xét tuyển dành cho tất cả các đối tượng nộp hồ sơ, lệ phí không hoàn lại.

8.2. Lệ phí xét tuyển theo các Phương thức 5: Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8.3. Lệ phí thi môn năng khiếu năm 2022: 350.000 đồng/môn thi. Lệ phí thi dành cho tất cả các đối tượng nộp hồ sơ dự thi, lệ phí không hoàn lại.

8.4. Hình thức nộp: Nộp trực tiếp tại phòng Kế hoạch Tài chính - Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh hoặc chuyển khoản theo tài khoản sau:

Chủ tài khoản: **Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh**

Số TK: **110000006019** - tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 3 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung chuyển khoản: Tùy theo số nguyện vọng xét tuyển, thí sinh ghi nội dung chuyển khoản theo cấu trúc sau: **Họ tên thí sinh - Số CMND/CCCD - <số nguyện vọng> nguyện vọng - Vẽ Mỹ thuật - Vẽ Trang trí màu.**

Lưu ý: Nhà trường khuyến khích việc nộp lệ phí bằng cách chuyển khoản.

9. Thông tin liên hệ

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 196 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 222 748 (số nội bộ 134, 135) hoặc (028) 22003275 hoặc 0326180575.

Email: tuyensinh@uah.edu.vn.

Website: www.uah.edu.vn.

Fanpage: Tuyển sinh Kiến trúc UAH./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.NTQN.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS.KTS. Lê Văn Thương**

Phụ lục 1
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN, NĂNG KHIẾU
(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HĐTS ngày 10 tháng 01 năm 2022
của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)

T T	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học				
1	01	Hà Nội	009	Trường THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội
2	01	Hà Nội	011	Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
3	01	Hà Nội	013	Trường THPT chuyên Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
4	02	Hồ Chí Minh	019	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
5	02	Hồ Chí Minh	020	Trường Trung học thực hành, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	29	Nghệ An	007	Trường THPT chuyên Đại học Vinh
7	33	Thừa Thiên - Huế	010	Trường THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế
8	49	Long An	072	Trường THPT Năng khiếu, Đại học Tân Tạo
Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc Tỉnh/Thành phố				
9	01	Hà Nội	010	Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam
10	01	Hà Nội	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ
11	01	Hà Nội	008	Trường THPT Chu Văn An
12	01	Hà Nội	079	Trường THPT Sơn Tây
13	02	Hồ Chí Minh	016	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	02	Hồ Chí Minh	004	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa
15	02	Hồ Chí Minh	055	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền
16	02	Hồ Chí Minh	066	Trường THPT Gia Định
17	03	Hải Phòng	013	Trường THPT chuyên Trần Phú
18	04	Đà Nẵng	005	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
19	05	Hà Giang	012	Trường THPT chuyên Hà Giang
20	06	Cao Bằng	004	Trường THPT chuyên Cao Bằng
21	07	Lai Châu	001	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	08	Lào Cai	018	Trường THPT chuyên Lào Cai
23	09	Tuyên Quang	009	Trường THPT chuyên Tuyên Quang
24	10	Lạng Sơn	002	Trường THPT chuyên Chu Văn An

T T	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
25	11	Bắc Kạn	019	Trường THPT chuyên Bắc Kạn
26	12	Thái Nguyên	010	Trường THPT chuyên Thái Nguyên
27	13	Yên Bái	001	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
28	14	Sơn La	004	Trường THPT chuyên Sơn La
29	15	Phú Thọ	001	Trường THPT chuyên Hùng Vương
30	16	Vĩnh Phúc	012	Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc
31	17	Quảng Ninh	001	Trường THPT chuyên Hạ Long
32	18	Bắc Giang	012	Trường THPT chuyên Bắc Giang
33	19	Bắc Ninh	009	Trường THPT chuyên Bắc Ninh
34	21	Hải Dương	013	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
35	22	Hưng Yên	011	Trường THPT chuyên Hưng Yên
36	23	Hòa Bình	012	Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
37	24	Hà Nam	011	Trường THPT chuyên Biên Hòa
38	25	Nam Định	002	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
39	26	Thái Bình	002	Trường THPT chuyên Thái Bình
40	27	Ninh Bình	011	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy
41	28	Thanh Hóa	010	Trường THPT chuyên Lam Sơn
42	29	Nghệ An	006	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu
43	30	Hà Tĩnh	040	Trường THPT chuyên Hà Tĩnh
44	31	Quảng Bình	004	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp
45	32	Quảng Trị	024	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	33	Thừa Thiên - Huế	001	Trường THPT chuyên Quốc Học
47	34	Quảng Nam	010	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
48	34	Quảng Nam	007	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
49	35	Quảng Ngãi	013	Trường THPT chuyên Lê Khiết
50	36	Kon Tum	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
51	37	Bình Định	003	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
52	37	Bình Định	081	Trường THPT chuyên Chu Văn An
53	38	Gia Lai	005	Trường THPT chuyên Hùng Vương
54	39	Phú Yên	005	Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh
55	40	Đắk Lắk	024	Trường THPT chuyên Nguyễn Du
56	41	Khánh Hòa	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
57	42	Lâm Đồng	008	Trường THPT chuyên Thăng Long Đà Lạt
58	42	Lâm Đồng	093	Trường THPT chuyên Bảo Lộc
59	43	Bình Phước	003	Trường THPT chuyên Quang Trung
60	43	Bình Phước	042	Trường THPT chuyên Bình Long
61	44	Bình Dương	002	Trường THPT chuyên Hùng Vương
62	45	Ninh Thuận	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
63	46	Tây Ninh	003	Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha

T T	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
64	47	Bình Thuận	013	Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo
65	48	Đồng Nai	001	Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh
66	49	Long An	060	Trường THPT chuyên Long An
67	50	Đồng Tháp	023	Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
68	50	Đồng Tháp	016	Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
69	51	An Giang	002	Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
70	51	An Giang	008	Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
71	52	Bà Rịa - Vũng Tàu	004	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
72	53	Tiền Giang	016	Trường THPT chuyên Tiền Giang
73	54	Kiên Giang	002	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
74	55	Cần Thơ	013	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng
75	56	Bến Tre	030	Trường THPT chuyên Bến Tre
76	57	Vĩnh Long	015	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
77	58	Trà Vinh	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
78	59	Sóc Trăng	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
79	60	Bạc Liêu	009	Trường THPT chuyên Bạc Liêu
80	61	Cà Mau	016	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
81	62	Điện Biên	002	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
82	63	Đắk Nông	037	Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
83	64	Hậu Giang	039	Trường THPT chuyên Vị Thanh

Phụ lục 2
BẢNG QUY CHUẨN TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HĐTS ngày 10 tháng 01 năm 2022
của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)

Council of Europe (CEF)	Ielts	Toefl	Toefl iBT	Toeic
A2	3.0	400/97		150
A2-B1	3.5 - 4.0	450/133	45	350
B1	4,5	477/153	53	350
B2	5.0	500/173	61	625
B2	5.5	527/197	71	750
C1	6.0	550/213	80	800
C1	6.5	577/233	91	850
C2	7.0 - 7.5	600/250	100	
C2	8.0			